

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+CTK3+TD1	7:25	0+4+16	0+0+0		0+5+15	0+0+0	chuyen 2 bk20- ctk3
2		MRM+BK8+TD3	9:25	15+3+2	0+0+0		16+1+5	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/06/2024	TO: BK20 - CTK3 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	38	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TIEN TRINH	CTK3	81	1	12	40	50	CUU LONG	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MAI	CTK3	01	1	7		68	CUU LONG	Vietnamese
4	NGUYEN MAI SON	CTK3	39	1	2		75	SAN BAY	Vietnamese
5	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1					101	KHOAN	Russian
6	NGUYEN NHU BANG	TD1	76	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH HIEU	TD1	82-83	2	11		87	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DANH QUY	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH XUÂN HÒA	TD1	77-78	2	9		62	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM MINH THẮNG	TD1	80-81	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN HOÀN	TD1	74	1	5	41	78	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC TOÀN	TD1	01	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG THANH	TD1	06	1	8		77	KHOAN	Vietnamese
14	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	75	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN MINH HOANG	TD1	84	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG CUONG	TD1	79	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN THUỘNG VŨ	TD1	05	1	12		90	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ THẾ HUNG	TD1	07	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ VĂN TRUNG	TD1	03-04	2	22		72	DVL	Vietnamese
20	BÀN PHÚC LONG	TD1	02	1	14		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK20	0	0	0	0	0	0+	2	CHUYEN 02 PAX TU BK20 SANG CTK3
2	CTK3	4	4	24	266	40	5		
3	TD1	16	18	135	1.221	41	15		
TOTAL		20	22	159	1.487	81	20		
WEIGHT KG				159	1.487	81			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/06/2024	TO: MRM - BK8 - TD3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUVOROV IURII	MRM	30	1	6	20	117	AMNGR	Russian
2	BESTOV ARTUR	MRM	29	1	10		79	AMNGR	Russian
3	VU QUANG	MRM	47	1	11		78	D-HANH	Vietnamese
4	KIRICHENKO K.P.	MRM	43	1	5		80	KHOAN	Russian
5	NGUYEN HOANG LONG	MRM	28	1	14		84	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC NGHIA	MRM	38-39	2	22		77	PVD INVES	Vietnamese
7	TRINH VAN KIEN	MRM	36-37	2	11		60	PVD INVES	Vietnamese
8	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	35	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO TRỌNG HIỀN	MRM	45-46	2	18		69	DVL	Vietnamese
10	NGUYEN HUNG DUNG	MRM	44	1	10		73	DVL	Vietnamese
11	LÊ PHÚ PHÚC	MRM	42	1	8		82	DVL	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NAM	MRM	40-41	2	22		67	DVL	Vietnamese
13	HUYNH TRONG PHUC	MRM	32	1	6		61	PSV	Vietnamese
14	TRAN MINH HAO	MRM	34	1	7		72	SHINTRAC	Vietnamese
15	NGUYEN TO THANH	MRM	83	1	7		66	SHINTRAC	Vietnamese
16	VU XUAN TAM	BK8	09	1	16		67	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN CHUONG	BK8	12	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN DUNG	BK8	10-11	2	13		58	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ XUAN THĂNG	TD3	81	1	6	20	83	KHOAN	Vietnamese
20	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD3	82	1	8		88	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	15	19	167	1.145	20	16		01NB NGUYEN DUC HUNG VE NGOI GHE PHU
2	BK8	3	4	39	185	0	1		
3	TD3	2	2	14	171	20	5		
TOTAL		20	25	220	1.501	40	22		
WEIGHT KG				220	1.501	40			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+BK8+P11	7:25	19+1+2	0+0+0		15+0+7	0+0+0	chuyen 4 rp2-bk8
2		AMD+P5+BK10	7:25	18+4+0	0+0+0		16+5+1	0+0+0	
3		VSP02+P7+P3	7:25	2+11+8	0+0+0		1+9+10	0+0+0	chuyen 2 vsp02-p7, 1 vsp02-p3
4		TD2+P11+P3	9:25	19+3	0+0		1+10+11	0+0	
5		P1+P3	9:25	12+10	0+0		10+12	0+0	chuyen 2 p1-p3
6		BK5+TD2	9:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
7		P7+P4	11:25	9+13	0+0		8+14	0+0	
8		RP3+P5	11:25	7+15	0+0		5+16	0+0	
9		P1+BK9+BK14	13:25	19+2+1	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
10		P4+AMD	13:25	13+9	0+0		10+11	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P1-3ng, P5-3ng, p7-5ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: RP2 - BK8 - P11	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - NNam	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIỀN SINH	RP2	59	1	8	15	67	KHOAN	Vietnamese
2	ĐẬU CAO KHANG	RP2	51	1	8		55	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY LINH	RP2	60	1	9		94	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	RP2	65	1	7		71	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN VĂN THANH	RP2	87	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ HỒNG GIANG	RP2	52	1	8		71	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TUẤN	RP2	55	1	11		84	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG THUY	RP2					68	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN THANH TÂM	RP2	66	1	9		77	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH TÍNH	RP2	88	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN PHAN	RP2	5000	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN MƯỜI	RP2	58	1	14		62	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN BÌNH	RP2	56-57	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	RP2	53-54	2	10		87	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT THANH	RP2	62	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN VĂN VIỆT (1990)	RP2	61	1	5	14	72	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN ĐAM	RP2	63	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	LÊ MẠNH HÙNG	RP2	64	1	5		76	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN HÙNG	BK8	13	1	12	83	62	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN CAO CUÔNG	P11	06	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
21	VÔ HOÀNG LAM	P11	400	1	18	22	64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	19	131	1.290	29	15	4	CHUYEN 4 PAX RP2-BK8
2	BK8	1	1	12	62	83	0		
3	P11	2	2	27	134	22	7		
TOTAL		21	22	170	1.486	134	22		
WEIGHT KG				170	1.486	134			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: AMD - P5 - BK10	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrường - Tú	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO THÈ THANH	AMD	23	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	THAN CANH THINH	AMD	33-34	2	15		75	TLJOC	Vietnamese
3	TRAN DAI NGHIA	AMD	29-30	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ ANH QUỐC	AMD	17	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANH	AMD					63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN CONG DUNG	AMD	15-16	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SANH	AMD	18	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THANH HUNG	AMD	24	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
9	NGO VAN SAU	AMD	21	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VIET LAM	AMD	22	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	25	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN TOAN	AMD	35-36	2	17		77	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	27-28	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ MẠNH HÀ	AMD	31-32	2	14		85	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	26	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI SY QUYEN	AMD	19-20	2	8		66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGO QUANG HUÂN	AMD	37-38	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN TRUNG HIEU	P5	31	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
19	SHEREMETIEV A.V.	P5	30	1	5		80	D-HANH	Russian
20	NGUYEN HOAI VU	P5				3	64	D-HANH	Vietnamese
21	BUI VAN BAC	P5					75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM THANH BINH	P5					82	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	17	24	146	1.198	0	16		
2	P5	5	2	16	371	3	5		
3	BK10	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	26	162	1.569	3	22		
WEIGHT KG				162	1.569	3			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: VSP02 - P7 - P3	CREW: TTrung - M.Đức - Thành	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG LÂM	VSP02	80-81	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	82-83	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU PHƯƠNG	P7					70	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
4	VŨ VĂN TOÀN	P7	38	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
5	CHU MINH HUNG	P7	42	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG VAN QUANG	P7	41	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN THANH NAM	P7	44	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRUONG HUU PHUOC	P7	45	1	5		60	YTE	Vietnamese
9	PHAN VĂN THỊNH	P7	40	1	5		74	NIPI	Vietnamese
10	TRẦN KHOA TRƯỞNG	P7	39	1	6	50	79	NIPI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	P7	46-47	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	P7	43	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH THANH TAM	P7	36-37	2	12		87	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN BA	P3	54	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO ĐỨC HUNG	P3	61	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN THANH	P3	53	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG HUU HAU	P3	55	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THE DUONG	P3	56	1	8	35	65	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐỨC HUY	P3	69-70	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	52,58	2	18		77	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN BUI NAM	P3	57	1	10		97	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	2	4	25	142	0	1	2	CHUYEN 2 KHACH VSP02-P7, CHUYEN 1 KHACH VSP02-P3
2	P7	11	12	65	821	50	8		
3	P3	8	10	68	610	35	13		
TOTAL		21	26	158	1.573	85	22		
WEIGHT KG				158	1.573	85			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: TD2 - P11 - P3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - NNam	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	TD2	09	1	10		100	KHOAN	Russian
2	TRƯỜNG THANH TUNG	TD2	18	1	3		79	KHOAN	Vietnamese
3	LY ANH TUAN	TD2	19	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC ĐOÀN	TD2	22-23	2	10		55	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	TD2	26-27	2	13		74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HAI	TD2	05	1	4		87	KHOAN	Vietnamese
7	PHAN MẠNH CƯỜNG	TD2	21	1	4	70	80	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN HÙNG	TD2	25	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
9	CÙ THANH NHÂN	TD2	13	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN HỒNG QUÂN	TD2	06-08	3	19		70	XAYLAP	Vietnamese
11	VÕ NGUYỄN MINH PHƯỚC	TD2	01-02	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
12	PHẠM VĂN CƯỜNG	TD2	03-04	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN PHƯỚC HÙNG	TD2	11-12	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TRÁ	TD2	14-15	2	13		67	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI TRUNG NHÂN	TD2	10	1	12		52	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VIỆT TOÀN	TD2	16-17	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD2	20	1	16		74	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN NINH	TD2	24	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
19	VUÔNG MAI	P11	14-16	3	18		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN MẠNH LINH	P11	11-12	2	18	17	78	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ VĂN BÌNH	P11	09-10	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	27	190	1.300	70	1		
2	P11	3	7	54	203	17	10		
3	P3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		21	34	244	1.503	87	22		
WEIGHT KG				244	1.503	87			

GRAND TOAL: 1.834 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: P1 - P3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrường - Tú	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BABKIN A.	P1	04	1	5		98	KH-THAC	Russian
2	KISELEV IU.	P1	07	1	6		99	KH-THAC	Russian
3	TRẦN KIM CUƠNG	P1	01	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TRUNG CHÍNH	P1	08	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG MINH	P1					79	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VINH PHƯƠNG	P1	09	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ MINH PHƯƠNG	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VĂN SỸ	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ XUÂN QUY	P1	03	1	7		100	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	P1	06	1	15		90	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P1	05	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ QUANG TRƯỜNG	P1	02	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	44	1	5	20	59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH PHONG	P3	47	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ ĐỨC HUNG	P3	49	1	3		88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN MINH	P3	50	1	15		85	T-TIN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN NGŨ	P3	51-52	2	16		78	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI DÂN	P3	54-55	2	15		58	YTE	Vietnamese
19	VŨ XUÂN TIẾN	P3	48	1	9		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	P3	46	1	10		56	PSV	Vietnamese
21	MAI MINH TIẾN	P3	45	1	3		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	12	9	55	963	0	11		CHUYEN 2 PAX P1-P3
2	P3	9	11	81	648	20	11		
TOTAL		21	20	136	1.611	20	22		
WEIGHT KG				136	1.611	20			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	TO: BK5 - TD2	CREW: TTrung - M.Đức - Thành	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG ANH VU	BK5	84-85	2	15		66	CODIEN	Vietnamese
2	TRAN DINH DIEP	BK5	86-87	2	12		80	CODIEN	Vietnamese
3	NGO PHAM THANH HUY	BK5	82-83	2	15		83	KH-THAC	Vietnamese
4	LE XUAN HAI	TD2	14	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN TUAN	TD2	83	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HOANG	TD2	15	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
7	HOANG MINH THUONG	TD2	16-17	2	20		63	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN THIEU	TD2	18	1	15		70	CODIEN	Vietnamese
9	MA ANH TIT	TD2	84	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
10	HOANG MINH TUAN	TD2	10	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
11	TRAN ANH TUAN	TD2	78-79	2	13		70	DVL	Vietnamese
12	DANG VAN CHUNG	TD2	81	1	13		76	DVL	Vietnamese
13	MAI VAN DUONG	TD2	80	1	12		82	DVL	Vietnamese
14	PHAM VAN DINH	TD2	06-07	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN TRUNG QUYEN	TD2	12-13	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VAN NAM	TD2	19-20	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
17	LE XUAN TIEN	TD2	08-09	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
18	BIEN VAN THANH	TD2	11	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN THUY	TD2				30	68	XAYLAP	Vietnamese
20	LE VAN NHAN	TD2	04-05	2	19		71	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM CONG BANG	TD2	82	1	10		52	PSV	Vietnamese
22	LE HUYNH CHUNG	TD2	01	1	10		76	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	3	6	42	229	0	1		
2	TD2	19	25	243	1.330	30	21		
TOTAL		22	31	285	1.559	30	22		
WEIGHT KG				285	1.559	30			

GRAND TOAL: 1.874 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: P7 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: LTuấn - NPhú - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUANG HUY	P7	55	1	10	40	105	XAY LAP	Vietnamese
2	HOANG NGOC HOAI	P7	56	1	20	42	62	XAY LAP	Vietnamese
3	TRAN VAN LOI	P7	53	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC BÌNH	P7	51	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN THIEN	P7	57	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TAN	P7					69	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN MINH TAM	P7	64-65	2	16		65	XAY LAP	Vietnamese
8	HOANG VIET HUNG	P7	54	1	5		77	PSV	Vietnamese
9	ĐÀU CÔNG SAU	P7	52	1	5		85	PSV	Vietnamese
10	VÔ DUY TOÀN	P4	29	1	7	35	65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY THAI	P4	28	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT BẢNG	P4	35-36	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THÀNH QUÂN	P4	32-34	3	13		74	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM THAI SƠN	P4	30	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ HOANG LONG	P4	31	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN NGHIÊM	P4	41	1	7		65	KHI	Vietnamese
17	LÊ NGỌC HÙNG	P4	39-40	2	13		72	KHI	Vietnamese
18	TRAN VAN HAI	P4	25-26	2	10		74	KHI	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	38	1	13		85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HOÀNG VINH	P4	24	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI MINH TUAN	P4	37	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NHAN HAI	P4	27	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	9	9	72	673	82	9		
2	P4	13	18	121	932	35	13		
TOTAL		22	27	193	1.605	117	22		
WEIGHT KG				193	1.605	117			

GRAND TOAL: 1.915 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: RP3 - P5	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: XHOÀN - ĐNam - Toan	ETA: 14:05
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUANG TRUNG	RP3	76	1	17	14	53	KH-THAC	Vietnamese
2	VU TRUNG KIEN	RP3	78	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TINH	RP3	72-73	2	15	10	78	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LEM	RP3	75	1	11		68	CODIEN	Vietnamese
5	ĐANG VĂN GIANG	RP3	70-71	2	20		75	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG PHONG	RP3	65-66	2	20		70	CODIEN	Vietnamese
7	MAI DINH KHANG	RP3	67-68	2	20	15	50	CODIEN	Vietnamese
8	TRAN ĐỨC THUẬN	P5	46	1	11		88	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN QUANG PHÚC	P5	47-48	2	18		47	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐỖ HOANG TRỌNG	P5	38-39	2	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TIEN	P5	50	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SY CÔNG	P5	51	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MINH PHÚC	P5	37	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUẤN	P5	43	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG BA VINH	P5	49	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUỐC TUẤN	P5	44-45	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
17	LÀ VĂN TÔI	P5				20	95	YTE	Vietnamese
18	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	35	1	8		55	PSV	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TINH	P5	34	1	6		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HOANG TRINH	P5	33	1	4		60	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN LOAN	P5	36	1	4		45	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	7	11	112	474	39	5		
2	P5	14	16	107	937	20	16		
TOTAL		21	27	219	1.411	59	21		
WEIGHT KG				219	1.411	59			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: P1 - BK9 - BK14	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: LTuấn - NPhú - Vũ	ETA: 16:20
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THẾ VINH	P1	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	24	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN HỮU DUNG	P1	29-30	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	28	1	8	10	63	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ KIẾN TRUNG	P1	15	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ QUANG ANH	P1	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HUY NGHIỆP	P1					78	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN THẮNG	P1	10	1	9		49	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM SỸ HIỆP	P1	14	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG ANH TUẤN	P1	19	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ NĂM CƯỜNG	P1	18	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUANG ĐỨC	P1	20	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ HỒNG HAI	P1	22-23	2	22		67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM ANH SƠN	P1	13	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	31	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	16	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TÀ QUỐC VIỆT	P1	25	1	13	12	62	YTE	Vietnamese
18	LÊ CHI QUANG	P1	12	1	4		67	PSV	Vietnamese
19	LÊ QUỐC THẮNG	P1	11	1	5		60	PSV	Vietnamese
20	TRƯƠNG HỒNG HAI	BK9	10	1	14		84	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH LỢI	BK9	09	1	13	42	62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUANG HOÀN	BK14	11-12	2	21	45	86	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	19	20	151	1.303	22	17		
2	BK9	2	2	27	146	42	0		
3	BK14	1	2	21	86	45	5		
TOTAL		22	24	199	1.535	109	22		
WEIGHT KG				199	1.535	109			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/06/2024	TO: P4 - AMD	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: KHOÀN - ĐNam - Toan	ETA: 16:25
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN NGOC TUAN	P4	50	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU HA	P4					77	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN TOAN	P4	82	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG	P4	51	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU VAN DAT	P4	48	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐAM VAN QUANG	P4	46	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ANH THANG	P4	44	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HA TAN DUNG	P4	47	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	45	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI VAN MANH	P4	43	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MANH CUONG	P4	52	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HONG TRUNG	P4	49	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI QUANG HOAN	P4	42,83	2	12		97	YTE	Vietnamese
14	HOANG VAN GIANG	AMD	42	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN NHA	AMD	44	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VIET THANG	AMD	41	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN DUY LONG	AMD	46-47	2	20		59	KH-THAC	Vietnamese
18	LE QUOC THUAN	AMD	45	1	3		62	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN HUU BINH	AMD	39	1	7		59	PSV	Vietnamese
20	LE CONG VIET	AMD	48	1	5		58	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN TAN VUONG	AMD	40	1	9		69	PSV	Vietnamese
22	TRAN HOANG HAI	AMD	43	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	13	71	913	0	11		
2	AMD	9	10	69	583	0	11		
TOTAL		22	23	140	1.496	0	22		
WEIGHT KG				140	1.496	0			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN